TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ H
TỈNH T

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Bản án số: 62/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 19 – 6 - 2023
"V/v Ly hôn; Tranh chấp nuôi con "

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH T

-Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Phương Dung.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Phương Nam và bà Hoàng Hải Yến.

***-Thư ký phiên tòa*:** Bà Huỳnh Thị Thanh Thúy, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố H.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H: Ông Trương Công Khanh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố H (số 60 Nguyễn Huệ, thành phố H) xét xử sơ thẩm công khai vụ dân sự thụ lý số: 944/2022/TLST - HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2022; về việc: "Ly hôn; Tranh chấp nuôi con"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 58/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2023; giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Cẩm L, sinh năm 1992. Nơi ĐKHKTT: 56 N, phường Đ, thành phố H, tỉnh T . Chỗ ở hiện nay: Thôn K, xã Q, tỉnh T - có mặt.

2.Bị đơn: Anh Trần Đ, sinh năm 1981. Nơi cư trú: 80 L, phường Đ, thành phố H, tỉnh T - có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn và các lời khai tại Tòa án nhân dân thành phố H, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Cẩm L trình bày:

Chị và anh Trần Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P (nay là phường Đ), thành phố H, tỉnh T vào ngày 16/4/2014. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2019 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm, anh Đ không có trách nhiệm với vợ con, chị L đã nhiều lần khuyên can nhưng anh Đ không thay đổi. Từ năm 2022 đến nay vợ chồng sống ly thân, không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Nay chị L nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Trần Đ.

Về con chung: Quá trình chung sống chị Nguyễn Thị Cẩm L và anh Trần Đ có 02 con chung là Trần Khánh T, sinh ngày 01/01/2015 và Trần Gia B, sinh ngày 26/02/2016, hiện nay cả hai cháu đang ở với chị L. Chị L xin trực tiếp nuôi dưỡng cháu cả hai cháu cho đến lúc trưởng thành, đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng tiền nuôi con: Chị L yêu cầu anh Đ phải có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung một tháng 5.000.000đồng/2 cháu (Mỗi cháu 2.500.000 đồng/tháng), thời gian cấp dưỡng từ khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến lúc các cháu trưởng thành, đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị L xác nhận quá trình chung sống vợ chồng không có tài sản chung và không có nợ chung.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Đ nhiều lần theo quy định của pháp luật, nhưng anh Đ không đến để trình bày ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện của chị L.

Tại phiên tòa, các bên đương sự đều có mặt. Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Cẩm L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình như đã trình bày trên. Phía anh Đ trình bày, mâu thuẫn giữa vợ chồng anh và chị L chưa đến mức trầm trọng, anh vẫn mong muốn đoàn tụ vợ chồng để cùng nhau nuôi dạy con cái. Nhưng tại phiên tòa hôm nay chị L trình bày chị không còn tình cảm với anh và vẫn kiên quyết xin ly hôn thì anh cũng thuận tình ly hôn với chị L. Về con chung, anh Đ xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Khánh T đến tuổi trưởng thành và giao cháu Trần Gia B cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Trong quá trình gải quyết vụ án cháu Trần Khánh T có nguyện vọng được ở với chị L, nhưng tại phiên tòa hôm nay, cháu thay đổi ý kiến xin được ở với anh Đ.

Về kiểm sát việc tuân theo pháp luật, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H có ý kiến:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, xác định tư cách pháp lý người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng quy định về thời hạn, nội dung, tư cách pháp lý và thẩm quyền theo quy định của Bộ luật dân sự; Hội đồng xét xử và thư ký thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về xét xử sơ thẩm vụ án. Người tham gia tố tụng thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Cẩm L và anh Trần Đ.

Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của chị L và anh Đ và phù hợp với nguyện vọng của cháu T và cháu B là giao cháu Trần Khánh T, sinh ngày 01/01/2015 cho anh Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành; giao cháu Trần Gia B, sinh ngày 26/02/2016 cho chị L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành. Hai bên không cấp dưỡng tiền nuôi con cho nhau.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị L, anh Đ xác nhận quá trình chung sống vợ chồng không có tài sản chung và không có nợ chung, nên không đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên buộc chị L phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] *Về tố tụng*:

Chị Nguyễn Thị Cẩm L có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố H giải quyết ly hôn giữa chị và anh Trần Đ có địa chỉ tại thành phố H, tỉnh T . Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, đây là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh T .

[2] *Về nội dung:*

2.1 Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Cẩm L và anh Trần Đ là hợp pháp. Quá trình chung sống, đến năm 2019 giữa vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm, nên vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2022 đến nay không còn quan tâm gì với nhau nữa. Chị L nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị L yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Trần Đ. Tại phiên tòa, anh Đ mong muốn vợ chồng đoàn tụ, nhưng chị L trình bày đã hết tình cảm với anh Đ nên anh Đ cũng thuận tình ly hôn với chị L. Xét thấy, việc thuận tình ly hôn giữa chị L và anh Đ là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với pháp luật nên được chấp nhận.

2.2 *Về con chung*: Quá trình chung sống chị Nguyễn Thị Cẩm L và anh Trần Đ có 02 con chung là Trần Khánh T, sinh ngày 01/01/2015 và Trần Gia B, sinh ngày 26/02/2016, hiện nay cả hai cháu đang ở với chị Nguyễn Thị Cẩm L. Quá trình giải quyết vụ án, chị L xin được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu đến tuổi trưởng thành. Tại bản tự khai ngày 16/3/2023 cháu T và cháu B đều có nguyên vọng ở với chị L. Phía anh Đ không đến để trình bày ý kiến của mình về việc nuôi dưỡng con chung. Nhưng tại phiên tòa, anh Đ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho anh được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Khánh T, cháu T cũng thay đổi ý kiến xin được ở với anh Đ. Nên chị L và anh Đ thỏa thuận giao cháu Trần Khánh T cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành; giao cháu Trần Gia B cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành. Xét việc thỏa thuận của chị L và anh Đ phù hợp với nguyện vọng của cháu T và cháu B và phù hợp với quy định của pháp luật, nên cần công nhận sự thỏa thuận này của các bên đương sự.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định tại Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình.

2.3 Về cấp dưỡng nuôi con: Mỗi người nuôi một con chung, hai bên không yêu cầu cấp dưỡng tiền nuôi con cho nhau, nên hội đồng xét xử không xem xét.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung:* Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay chị L và anh Đ xác nhận quá trình chung sống vợ chồng không có tài sản chung và không có nợ chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về án phí:* Chị Nguyễn Thị Cẩm L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

[1].Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Cẩm L và anh Trần Đ.

[2].Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận giữa chị Nguyễn Thị Cẩm L và anh Trần Đ là giao cháu Trần Khánh T, sinh ngày 01/01/2015 cho anh Trần Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành, đủ 18 tuổi. Giao cháu Trần Gia B, sinh ngày 26/02/2016 cho chị Nguyễn Thị Cẩm L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành, đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[3].Về cấp dưỡng tiền nuôi con chung: Hai bên thỏa thuận không cấp dưỡng tiền nuôi con cho nhau, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4].Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị Cẩm L và anh Trần Đ xác nhận quá trình chung sống vợ chồng không có tài sản chung và không có nợ chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5].Về án phí: Chị Nguyễn Thị Cẩm L phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị L đã nộp tại biên lai số AA/2021/0005432 ngày 19/12/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H; nay không phải nộp thêm.

[6]. Quyền kháng cáo bản án: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ toạ phiên toà

Nơi nhận:
- Đương sự;
-Viện kiểm sát NDTP H;
-Tòa án ND tỉnh TT-H;
-Chi cục THADSTP H;
-UBND phường Đ;
Số ĐKKH 17 ngày 16/4/2014;
-Lưu.

Lê Thị Phương Dung